

CTY TNHH MTV LCN
BẮC QUẢNG BÌNH
MST: 3100283886

Số: 105 / KH - CT

PHỤ LỤC IV
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- UBND tỉnh Quảng Bình

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
I	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu			
1	Sản xuất kinh doanh			
	Khai thác gỗ rừng trồng	m ³	10.500	12.242,029
	Trong đó: Gỗ Keo	m ³	9.000	10.902,013
	Gỗ Thông	m ³	1.500	1.340,016
	Khai thác nhựa Thông	Tấn	80	42,631
2	Sản xuất lâm sinh			
	Chăm sóc cao su	Ha	0	0
	Trồng rừng nguyên liệu	Ha	200	480,67
	Chăm sóc rừng nguyên liệu	Ha	100	259,63
	Sản xuất cây giống	Cây	400.000	400.000
3	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích			
	BVR tự nhiên sản xuất	Ha	22.433,47	22.236,02
	BVR tự nhiên phòng hộ	Ha	2.936,01	2.930,56
	Trồng rừng phòng hộ	Ha	0	0
	Chăm sóc rừng trồng phòng hộ	Ha	96	96
	BVR trồng phòng hộ	Ha	131	131
II	Chỉ tiêu tài chính			
1	Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh			
	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	14,867	15,158
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	14,832	15,123
	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,035	0,035
	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,400	0,745
	Các khoản BH, KPCĐ phải nộp	Tỷ đồng	1,502	1,444
2	Nguồn vốn kinh doanh			
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	49,773	49,808
3	Huy động vốn			
	Vay trồng rừng nguyên liệu, chăm sóc cao su	Tỷ đồng	1,5	0,807
4	Vốn Điều lệ	Tỷ đồng	84,546	84,546
5	Thu nhập của người lao động và người quản lý DN			
	Tổng số lao động thực tế sử dụng	Người	95	92
	Tổng quỹ lương của người lao động	Tỷ đồng	6,171	6,212
	Tiền lương bình quân của người lao động	Tr.đ/ng/th	5,651	5,883
	Thu nhập bình quân của người lao động (năm)	Tr.đ/ng	67,812	70,596
	Số lượng người quản lý DN	Người	4	4
	Tổng quỹ lương của người quản lý DN	Tỷ đồng	0,671	0,671



II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
I	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
1	Sản xuất kinh doanh		
	Khai thác gỗ rừng trồng Keo	m ³	14.300
	Khai thác gỗ rừng trồng Thông	m ³	0
	Khai thác nhựa Thông	Tấn	40
2	Sản xuất lâm sinh		
	Trồng rừng nguyên liệu	Ha	300
	Chăm sóc rừng trồng nguyên liệu	Ha	300
	Chăm sóc cao su	Ha	100
	Sản xuất cây giống	Cây	400.000
3	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích		
	BVR tự nhiên sản xuất	Ha	22.236,02
	BVR tự nhiên phòng hộ	Ha	2.930,56
	Chăm sóc rừng trồng phòng hộ	Ha	42
	Bảo vệ rừng trồng phòng hộ	Ha	131
II	Chỉ tiêu tài chính		
1	Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh		
	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	16,806
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	16,745
	Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,061
	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,964
	Các khoản BH, KPCĐ phải nộp	Tỷ đồng	1,477
2	Nguồn vốn kinh doanh		
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	49,808
3	Huy động vốn		
	Vay trồng rừng nguyên liệu	Tỷ đồng	1,2
4	Vốn Điều lệ	Tỷ đồng	84,546
5	Thu nhập của người lao động và người quản lý DN		
	Tổng số lao động thực tế sử dụng	Người	92
	Tổng quỹ lương của người lao động	Tỷ đồng	6,835
	Tiền lương bình quân của người lao động	Tr.đ/ng/th	6,473
	Thu nhập bình quân của người lao động (năm)	Tr.đ/ng	83,436
	Số lượng người quản lý DN	Người	4
	Tổng quỹ lương của người quản lý DN	Tỷ đồng	0,826

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Xác định rõ ngành nghề kinh doanh:

a. Dịch vụ công ích:

- + Trồng rừng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ;
- + Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất.

b. Sản xuất và cung ứng sản phẩm:

- + Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng;
- + Sản xuất cây giống Lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày;
- + Quy hoạch thiết kế trồng rừng, chăm sóc rừng, điều chế rừng trồng;

+ Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ mủ Cao su;
+ Khai thác, chế biến, tiêu thụ gỗ rừng trồng, nhựa Thông và Lâm sản khác;
+ Xây dựng, sửa chữa đường vận suất, vận chuyển cây giống và sản phẩm gỗ rừng trồng;

+ Các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Giải pháp về đất đai:

Hiện nay Công ty đang rà soát lại toàn bộ diện tích đất, rừng sản xuất tại các Đội sản xuất, bóc tách những diện tích không có nhu cầu sử dụng để trả về địa phương.

Đối với diện tích đất bị lấn chiếm xen kẽ trong lâm phần cần giữ lại: Công ty làm việc với các hộ gia đình để thực hiện phương án giao khoán cho các hộ để quản lý đất đai theo đúng quy định.

3. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng:

a. Giải pháp về phát triển rừng trồng là rừng sản xuất:

Tổ chức sản xuất rừng trồng và mở rộng diện tích rừng trồng. Trong đó chú trọng nguồn giống có năng suất, chất lượng cao và đầu tư thâm canh để tăng năng suất, chất lượng rừng trồng. Về sản phẩm rừng trồng định hướng tập trung cho 2 sản phẩm chính đó là sản phẩm gỗ lớn và gỗ nguyên liệu dăm giấy phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

b. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên sản xuất và phòng hộ:

Thực hiện quản lý, bảo vệ và nuôi dưỡng để nâng cao chất lượng rừng, tiến tới khai thác bền vững. Biên chế lực lượng bảo vệ rừng đủ mạnh, ưu tiên lực lượng ở một số địa bàn có tính phức tạp, những điểm nóng về bảo vệ rừng; Tổ chức bộ máy tại các Đội sản xuất để quản lý, chỉ đạo trực tiếp và điều hành tại Công ty.

4. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng:

- Vốn điều lệ: 84.546.120.645 đồng

- Để có nguồn vốn đảm bảo phục vụ tốt cho SXKD Công ty huy động vốn CBCNV trong đơn vị và vay ngắn hạn, dài hạn các Ngân hàng thương mại trong tỉnh.

- Mô hình Công ty cơ bản vẫn như hiện nay Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty sử dụng các tài sản như vườn cây Cao su, rừng trồng làm cơ sở cho việc thực hiện dự án liên doanh (nếu có) và làm tài sản thế chấp cho ngân hàng để vay vốn ngắn hạn và dài hạn đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

- Dự kiến Nhà nước giao kế hoạch và đảm bảo cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất:

+ Rừng tự nhiên là rừng sản xuất: $22.236,02 \text{ ha} \times 300.000 \text{ đồng/ha/năm} = 6.670.806.000 \text{ đồng}$.

+ Rừng tự nhiên là rừng phòng hộ: $\text{Diện tích } 2.900 \text{ ha} \times 150.000 \text{ đồng/ha/năm} = 435.000.000 \text{ đồng}$.

- Dự kiến doanh thu từ sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Nhựa thông Quảng Trạch: $40 \text{ tấn} \times 20.000.000 \text{ đồng/tấn} = 800.000.000 \text{ đồng}$

+ Gỗ Keo: $14.300 \text{ m}^3 \times 600.000 \text{ đồng/m}^3 = 8.580.000.000 \text{ đồng}$

+ Cây giống Keo: $400.000 \text{ cây} \times 800 \text{ đồng/cây} = 320.000.000 \text{ đồng}$

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn tự có của Công ty, vốn vay và vốn liên doanh, liên kết khác.

5. Giải pháp về sản xuất:

Trong tương lai khi diện tích rừng Keo nguyên liệu có sản lượng lớn, Công ty sẽ nghiên cứu liên doanh với các đối tác đầu tư nhà máy chế biến dăm gỗ nhằm nâng cao giá trị rừng; nghiên cứu và triển khai trồng các loại cây dược liệu ngắn ngày nhằm tận dụng đất và tạo nguồn thu ổn định hàng năm.

6. Giải pháp về thị trường:

Công ty mở rộng tìm kiếm thị trường trong và ngoài tỉnh để tiêu thụ sản phẩm ổn định, kêu gọi hợp tác đầu tư tiêu thụ sản phẩm.



7. Giải pháp về lao động:

Căn cứ định mức lao động và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau sắp xếp đổi mới, Công ty cân đối và thực hiện các giải pháp về lao động như sau: Tổng số lao động hiện có: 90 người, kế hoạch tuyển dụng thêm 2 người, tổng số lao động trong năm 2021 là 92 người. Đây là số lao động được tiếp tục sử dụng, Công ty đã rà soát lựa chọn những lao động có điều kiện về sức khỏe, trình độ, tay nghề, thái độ lao động ... để tiếp tục ở lại thực hiện nhiệm vụ theo đề án sau khi sắp xếp đổi mới.

8. Giải pháp về khoa học công nghệ:

Công ty tiếp tục ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất; lựa chọn các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao và đầu tư thâm canh để tăng năng suất, chất lượng rừng trồng; ứng dụng công nghệ thông tin, máy định vị GPS trong việc thiết kế, thi công, bảo vệ rừng; đầu tư trồng rừng thâm canh nâng cao năng suất và rút ngắn chu kỳ kinh doanh rừng.

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp lâm sinh mới áp dụng cho rừng trồng như tía thưa, kiểm soát sâu bệnh và phục hồi rừng nghèo kiệt, ứng dụng kỹ thuật nhân giống công nghệ cao áp dụng vào trồng rừng sản xuất.

9. Giải pháp quản lý:

Căn cứ nội dung nội quy lao động, nội quy quản lý lao động, kinh tế và trật tự xã hội trong phạm vi Công ty, thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ Công ty quản lý phù hợp với thực tiễn của Công ty nhưng không trái pháp luật Nhà nước, đẩy mạnh sản xuất gắn với tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. *h*

Nơi nhận: *✓*

- Như kính gửi;
- Lưu KTTK, VT.



Trần Quang Dảm

